

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH



TÀO THỊ HOÀNG ANH

**ĐỔI MỚI VÀ HOÀN THIỆN CÁC CHÍNH SÁCH THUẾ NHẪM  
GÓP PHẦN THÚC ĐẨY CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU  
KINH TẾ Ở VIỆT NAM THEO HƯỚNG  
CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

HÀ NỘI – 2007

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ TÀI CHÍNH**

**HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**



**TÀO THỊ HOÀNG ANH**

**ĐỔI MỚI VÀ HOÀN THIỆN CÁC CHÍNH SÁCH THUẾ NHẪM  
GÓP PHẦN THÚC ĐẨY CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU  
KINH TẾ Ở VIỆT NAM THEO HƯỚNG  
CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ**

**Chuyên ngành: Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng**

**Mã số: 5.02.09**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**Người hướng dẫn khoa học:**

- 1. GS,TS Nguyễn Công Nghiệp**
- 2. PGS,TS Đinh Văn Nhã**

**HÀ NỘI – 2007**

## MỞ ĐẦU

### 1. Sự cần thiết của đề tài nghiên cứu

Để xây dựng và phát triển nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững, đòi hỏi phải xác định được một cơ cấu kinh tế hợp lý, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa các ngành kinh tế quốc dân, giữa các vùng lãnh thổ và giữa các thành phần kinh tế. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế (CDCCKT) theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH) là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta và đã được thể chế hoá bằng nhiều chính sách, biện pháp cụ thể, trong đó, một trong những công cụ chính sách vĩ mô quan trọng nhất đóng góp vào quá trình CDCCKT theo hướng CNH, HĐH là công cụ thuế.

Trong những năm qua, thông qua công cụ thuế, Nhà nước không những đã điều chỉnh cơ cấu đầu tư của từng ngành, lĩnh vực, từng địa bàn và cơ cấu thành phần kinh tế, mà còn tác động đến tích lũy vốn của các doanh nghiệp, đồng thời thông qua tỷ lệ động viên về thuế khác nhau vào ngân sách nhà nước để tác động thu hẹp hay mở rộng quy mô tái đầu tư vốn theo định hướng của Nhà nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hệ thống chính sách thuế hiện hành vẫn chưa tạo được những bước đột phá trong việc giải quyết mối quan hệ giữa cơ cấu kinh tế và cơ cấu đầu tư, cơ cấu lao động; chưa thực sự có tác dụng mạnh mẽ đến việc phân bố lại và khai thác các nguồn lực giữa các vùng, lãnh thổ dẫn đến việc chuyển dịch cơ cấu giữa các ngành nông, lâm, ngư nghiệp, thủy sản, công nghiệp, dịch vụ trong GDP còn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu đề tài: "Đổi mới và hoàn thiện các chính sách thuế nhằm góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Việt Nam theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá" là hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Do đó, nghiên cứu sinh đã chọn nghiên cứu luận án tiến sĩ với đề tài nêu trên và tin tưởng rằng đề tài nghiên cứu này vừa có ý nghĩa lý luận, vừa mang tính thực tiễn, chắc chắn sẽ đóng góp vào việc xây dựng các luận cứ khoa học và các giải pháp khả thi để giải quyết những vấn đề tồn tại đặt ra đối với hệ thống thuế hiện hành trong việc tác động đến quá trình CDCCKT ở nước ta, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2010 mà Nghị quyết Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ X đã đề ra là: "Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức, tạo nền tảng để đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020".

### 2. Mục đích nghiên cứu của đề tài:

- Nghiên cứu và làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn về CDCCKT và vai trò của thuế trong việc thúc đẩy CDCCKT theo hướng CNH, HĐH; đồng thời, xem xét có chọn lọc kinh nghiệm sử dụng thuế để thúc đẩy CDCCKT theo hướng CNH, HĐH của một số nước trên thế giới, từ đó rút ra những bài học cho Việt Nam;

- Đánh giá việc sử dụng chính sách thuế để thúc đẩy quá trình CDCCKT theo hướng CNH, HĐH ở nước ta từ năm 1990 đến nay;
- Đề xuất các giải pháp đổi mới và hoàn thiện các chính sách thuế nhằm thúc đẩy nhanh quá trình CDCCKT theo hướng CNH, HĐH ở nước ta trong những năm tới.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:**

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu tập trung vào các chính sách thuế trong mối quan hệ với việc phục vụ và thúc đẩy quá trình CDCCKT ở nước ta. Luận án không đi sâu nghiên cứu về phí, lệ phí và các khoản thu của NSNN cũng như công tác tổ chức thực hiện chính sách thuế mà chỉ tập trung nghiên cứu trên góc độ xây dựng chính sách.

### **4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu:**

Trên cơ sở nghiên cứu khoa học và hệ thống hoá những vấn đề lý luận và thực tiễn, luận án có những đóng góp sau:

- Luận án đã khái quát và làm rõ những vấn đề cơ bản về cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, các nhân tố ảnh hưởng đến CDCCKT, các tiêu chí đánh giá CDCCKT, từ đó xác định rõ mô hình CNH và cơ cấu kinh tế thích hợp mà Việt Nam đang hướng tới.

- Luận án đã khái quát và làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về thuế đồng thời phân tích và chứng minh vai trò tác động của thuế đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế bằng phương pháp định tính và định lượng.

- Luận án đã phân tích chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về CDCCKT qua các thời kỳ từ năm 1990 đến nay, từ đó đưa ra nhận xét và đánh giá tác động của chính sách thuế tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo các chủ trương của Đảng và Nhà nước, những kết quả đạt được, những vấn đề tồn tại và yêu cầu đặt ra đối với các chính sách thuế nhằm thúc đẩy CDCCKT.

- Luận án đã nghiên cứu, tổng kết những kinh nghiệm của nước ngoài trong việc sử dụng công cụ thuế để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đúc rút thành những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong hoạch định cũng như thực thi các chính sách thuế nhằm tác động đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Luận án đã đề xuất một hệ thống giải pháp về thuế, trong đó tập trung vào nội dung đổi mới, sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh các chính sách thuế trên nền tảng lý luận, thực tiễn cùng với những điều kiện thực hiện cơ bản để đảm bảo các giải pháp này được thực thi một cách hiệu quả nhằm góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Việt Nam theo hướng CNH, HĐH.

### **5. Kết cấu luận án**

Luận án gồm 179 trang, 18 bảng biểu, ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 3 chương.

## Chương 1

# NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CƠ CẤU KINH TẾ VÀ VAI TRÒ CỦA THUẾ ĐỐI VỚI CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

### 1.1. CƠ CẤU KINH TẾ VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

Luận án đã khái quát và làm rõ các vấn đề cơ bản về cơ cấu kinh tế và CDCCKT, trong đó đi sâu phân tích về bản chất của CDCCKT, tại sao phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế, các nhân tố tác động đến CDCCKT và các tiêu chí để đánh giá CDCCKT.

#### 1.1.1. Khái niệm

##### - *Khái niệm về cơ cấu kinh tế*

*“Cơ cấu của nền kinh tế quốc dân là tổng thể những mối quan hệ về chất lượng và số lượng giữa các bộ phận cấu thành nó trong một thời gian và trong những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định”.*

Mỗi một loại cơ cấu phản ánh những nét đặc trưng của các bộ phận và các cách mà chúng quan hệ với nhau trong quá trình phát triển nền kinh tế quốc dân. Trên bình diện vĩ mô, có một số loại cơ cấu sau:

- + Cơ cấu quan hệ sản xuất trong nền kinh tế (cơ cấu thành phần kinh tế)
- + Cơ cấu tái sản xuất xã hội
- + Cơ cấu tổ chức - quản lý nền kinh tế quốc dân
- + Cơ cấu vùng - lãnh thổ
- + Cơ cấu ngành kinh tế

Việc nghiên cứu các loại cơ cấu này là nhằm tìm ra những cách thức duy trì tính tỷ lệ hợp lý của chúng và những lĩnh vực cần ưu tiên tập trung các nguồn lực có hạn của quốc gia trong mỗi thời kỳ nhằm thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế quốc dân một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất.

##### - *Khái niệm chuyển dịch cơ cấu kinh tế*

*Sự thay đổi cơ cấu kinh tế từ trạng thái này sang trạng thái khác cho phù hợp với phân công lao động xã hội, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, các điều kiện kinh tế - xã hội được gọi là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.*

CDCCKT được thực hiện theo 3 hướng chủ yếu: chuyển dịch theo ngành hoặc theo lĩnh vực kinh tế; chuyển dịch theo vùng kinh tế và chuyển dịch theo thành phần kinh tế. Mỗi xu hướng chuyển dịch đều có nội dung, phạm vi và ý nghĩa riêng, trong đó CDCCKT theo ngành hoặc lĩnh vực có ý nghĩa quan trọng nhất. Điều đó được thể hiện rõ nét trong lý luận, kinh nghiệm các nước và thực tế nước ta qua các Nghị quyết và các chính sách của Đảng và Nhà nước. Do đó trong quá trình phân tích, nội dung luận án cũng tập trung đi sâu vào CDCCKT theo ngành, lĩnh vực kinh tế.

##### - *Tính cấp thiết của chuyển dịch cơ cấu kinh tế*

*\* CDCCKT nhằm khắc phục những yếu kém về cơ cấu kinh tế*

. Cơ cấu lãnh thổ và cơ cấu ngành kinh tế ở nước ta thể hiện sự mất cân đối lớn.

. Cơ cấu kinh tế theo thành phần kinh tế, cơ cấu lao động... cũng là những nội dung chứa đựng nhiều vấn đề cần giải quyết.

Đó là những lý do chủ quan của nền kinh tế nước ta đòi hỏi phải có sự CDCCKT. Về khách quan, khi nền kinh tế thế giới đã phát triển ở cấp độ mới, lợi thế của từng nước cũng thay đổi. Đồng thời, sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật đã tạo ra những sản phẩm, những lĩnh vực mới có hiệu quả đòi hỏi cơ cấu kinh tế phải thay đổi. Trước thực tế đó, CDCCKT là đặc biệt cần thiết đối với nước ta và mục tiêu của CDCCKT của nước ta là công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế.

*\* Chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với mô hình công nghiệp hóa*

Giữa CDCCKT và mô hình CNH có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Mục tiêu của mô hình CNH là căn cứ chủ yếu để định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ngược lại, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo định hướng của mô hình là một trong những điều kiện quyết định đến sự thành công của sự nghiệp CNH.

Trong điều kiện hội nhập, tiến trình CNH của Việt Nam đã chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH như Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII đã khẳng định: *“Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và trên thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước có hiệu quả”*.

Như vậy, về phương diện chính sách, nền kinh tế Việt Nam đang tồn tại sự kết hợp đồng thời giữa hai loại chính sách trong thực hiện chiến lược CNH, đó là: vừa hướng về xuất khẩu, vừa thay thế nhập khẩu. Phân tích chiến lược CNH trên thế giới hiện nay cho thấy chiến lược CNH theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu đồng thời thay thế nhập khẩu là chiến lược thích hợp nhất trong điều kiện hội nhập hiện nay của Việt Nam.

CDCCKT là phương tiện để đạt mục đích tăng trưởng và phát triển kinh tế, nâng cao mức sống của mọi công dân trong xã hội. Nước ta đang trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH, ra sức phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Bởi vậy, CDCCKT luôn là vấn đề cấp bách được đặt ra trên cả giác độ lý luận và thực tiễn trong mỗi thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và đang được sự quan tâm của nhiều ngành, nhiều cấp từ trung ương đến địa phương. Đặc biệt là trong điều kiện kinh tế trong nước cũng như trên thế giới có những biến đổi sâu sắc như hiện nay thì việc xác định cơ cấu kinh tế hợp lý, phù hợp với xu thế hội nhập và tìm ra các giải pháp kinh tế tài chính để thúc đẩy nhanh tiến trình CDCCKT ở nước ta theo hướng CNH, HĐH trong giai đoạn từ nay cho đến 2020 là hết sức cần thiết và cấp bách.

## **1.1.2. Các nhân tố tác động đến CDCCKT**

### *1.1.2.1 Các nhân tố đầu vào của sản xuất:*

- Các nguồn lực tự nhiên
- Nguồn lực con người
- Nguồn lực kinh tế

### *1.1.2.2. Các nhân tố “đầu ra” của sản xuất*

Thị trường là yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến việc hình thành và chuyển dịch cơ cấu, trước hết là cơ cấu ngành, bởi vì thị trường hàng hoá, thị trường bất động sản, thị trường vốn, thị trường lao động,... là yếu tố hướng dẫn, điều tiết các hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp. Có thể nói rằng, trong nền kinh tế thị trường thì nhu cầu của thị trường là nhân tố quyết định đến sự hình thành và biến đổi cơ cấu kinh tế.

### *1.1.2.3. Các nhân tố về cơ chế, chính sách và thể chế*

Môi trường thể chế là yếu tố cơ sở cho quá trình xác định chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo sự gắn bó chặt chẽ giữa thể chế chính trị với đường lối xây dựng kinh tế, là biểu hiện cụ thể những quan điểm hành vi của Nhà nước để định hướng sự phát triển tổng thể và sự phát triển các bộ phận cấu thành của nền kinh tế. Để có một cơ cấu kinh tế cân đối, hợp lý nhằm đảm bảo phân bổ và sử dụng nguồn lực có hiệu quả, thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng và ổn định, cần phải có những tác động từ Nhà nước thông qua việc xây dựng và quyết định chiến lược kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội tổng thể của đất nước và bằng hệ thống pháp luật, chính sách kinh tế vĩ mô...

### *1.1.2.4. Các nhân tố về bối cảnh kinh tế quốc tế*

Trong điều kiện hiện nay, bối cảnh kinh tế quốc tế nổi bật lên các vấn đề sau:

- Sự phát triển công nghệ kỹ thuật hiện đại, hình thành nền kinh tế tri thức
- Xu hướng toàn cầu hoá kinh tế ngày càng gia tăng
- Các vấn đề về môi trường đe dọa sự phát triển bền vững

*Tóm lại*, quá trình chuyển dịch cơ cấu của nền kinh tế chịu tác động của nhiều nhân tố, trong đó có thể đánh giá nhân tố về cơ chế, chính sách và thể chế (trong đó có các chính sách thuế) là một trong những nhân tố quan trọng nhất.

## **1.1.3 Các tiêu chí đánh giá chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

### *1.1.3.1 Cơ cấu ngành trong GDP*

Trong đánh giá quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu của các ngành trong GDP là một trong những chỉ tiêu quan trọng nhất phản ánh xu hướng vận động và mức độ thành công của CNH. Tỷ lệ trong GDP của các ngành cấp I (nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ) là một trong những tiêu chí đầu tiên thường được dùng để đánh giá quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành của nền kinh tế.

### *1.1.3.2 Cơ cấu lao động xã hội*

CNH, hiểu theo nghĩa đầy đủ của nó, không phải chỉ đơn thuần là sự gia tăng tỷ trọng giá trị của sản xuất công nghiệp, mà cùng với mức đóng góp vào GDP ngày càng tăng của lĩnh vực công nghiệp (và hiện nay là công nghiệp và dịch vụ dựa trên công nghệ kỹ thuật hiện đại), phải là quá trình CNH, HĐH đời

sống xã hội con người, trong đó cơ sở quan trọng là số lượng lao động trong lĩnh vực phi nông nghiệp chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng lực lượng lao động xã hội.

### 1.1.3.3 Cơ cấu hàng xuất khẩu

Hầu hết các nước đã trải qua quá trình CNH để trở thành một nước công nghiệp phát triển đều cơ bản chuyển từ chỗ chủ yếu sản xuất và xuất khẩu hàng sơ chế sang các mặt hàng công nghiệp chế biến, lúc đầu là các loại sản phẩm của công nghiệp chế biến sử dụng nhiều lao động, kỹ thuật thấp rồi chuyển dần sang các loại sản phẩm sử dụng nhiều công nghệ kỹ thuật cao. Chính vì vậy, sự chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu, từ những mặt hàng sơ chế sang những loại sản phẩm chế biến dựa trên cơ sở công nghệ - kỹ thuật cao luôn được xem như một trong những thước đo rất quan trọng đánh giá mức độ thành công của CNH, HĐH.

### 1.1.3.4 Cơ cấu công nghệ – kỹ thuật

Ở một góc độ nào đó, quá trình chuyển dịch cơ cấu công nghệ – kỹ thuật của sản xuất đã được phản ánh qua các chỉ tiêu cơ cấu GDP và cơ cấu lao động chia theo ngành, cũng như cơ cấu mặt hàng xuất khẩu như đã trình bày ở trên. Tuy nhiên, với tư cách là một chỉ tiêu kinh tế – kỹ thuật có ý nghĩa tương đối, sự chuyển dịch cơ cấu công nghệ – kỹ thuật với tỷ lệ phần trăm những lĩnh vực, những sản phẩm được áp dụng công nghệ – kỹ thuật hiện đại cũng cần được khảo cứu, đặc biệt là trong việc đề xuất các chính sách khuyến khích đầu tư (với những loại công nghệ – kỹ thuật cao), hoặc hạn chế (những loại công nghệ kỹ thuật lạc hậu, có nguy cơ gây ô nhiễm cao, tiêu hao năng lượng lớn).

## 1.2. THUẾ VÀ VAI TRÒ CỦA THUẾ TRONG VIỆC THÚC ĐẨY CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

Luận án đã khái quát một số vấn đề lý luận cơ bản nhất về thuế: khái niệm, bản chất của thuế, các chức năng của thuế, từ đó đi sâu phân tích và luận giải rõ vai trò, phương thức tác động và nội dung tác động của thuế đến CDCKT thông qua phương pháp phân tích định tính và phương pháp phân tích định lượng.

### 1.2.1. Một số vấn đề lý luận cơ bản về thuế:

#### 1.2.1.1. Khái niệm và bản chất của thuế:

*Thuế là một khoản đóng góp bắt buộc từ các thể nhân và pháp nhân cho Nhà nước theo mức độ và thời hạn được pháp luật quy định nhằm sử dụng cho mục đích công cộng.*

Bản chất của thuế được thể hiện bởi các thuộc tính bên trong vốn có của thuế. Những thuộc tính đó có tính ổn định tương đối qua từng giai đoạn phát triển và biểu hiện thành những đặc trưng riêng có của thuế, những đặc trưng đó là:



(i) *Tính bắt buộc*

(ii) *Tính không hoàn trả trực tiếp*

(iii) *Tính pháp lý*

### 1.2.1.2 Chức năng của thuế

(i) *Chức năng huy động nguồn lực tài chính cho Nhà nước*

Đây là chức năng cơ bản của thuế, đặc trưng cho tất cả các dạng Nhà nước. Về mặt lịch sử, chức năng huy động nguồn lực tài chính là chức năng đầu tiên, phản ánh nguyên nhân nảy sinh ra thuế.

Nhờ chức năng huy động nguồn lực tài chính mà quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước được hình thành, qua đó đảm bảo cơ sở vật chất cho sự tồn tại và hoạt động của Nhà nước. Chính chức năng này đã tạo ra những tiền đề và điều kiện để Nhà nước tiến hành phân phối và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và thực hiện CDCCKT.

(ii) *Chức năng điều tiết kinh tế*

Chức năng điều tiết kinh tế của thuế được thực hiện thông qua việc quy định các hình thức thu thuế khác nhau, xác định đúng đắn đối tượng chịu thuế và đối tượng nộp thuế, xây dựng chính sách các mức thuế phải nộp có tính đến khả năng của người nộp thuế, sử dụng linh hoạt các ưu đãi và miễn, giảm thuế. Trên cơ sở đó, Nhà nước kích thích các hoạt động kinh tế đi vào quỹ đạo chung, phù hợp với lợi ích của xã hội, phù hợp với mục tiêu CDCCKT.

Giữa chức năng huy động nguồn lực tài chính và chức năng điều tiết kinh tế có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau. Chức năng huy động nguồn lực tài chính nảy sinh đồng thời với sự ra đời của thuế và được coi là chức năng cơ sở, qua đó quy định sự tác động và sự phát triển của chức năng điều tiết. Ngược lại, nhờ sự vận dụng đúng đắn chức năng điều tiết kinh tế đã làm cho chức năng huy động nguồn lực tài chính của thuế có điều kiện phát triển.

*Tóm lại*, để phát huy được vai trò của thuế trong nền kinh tế, phải sử dụng thuế đúng với chức năng của nó. Tuy nhiên, vai trò của thuế đối với nền kinh tế ở mỗi quốc gia không giống nhau mà tùy thuộc vào "nghệ thuật sử dụng" công cụ thuế của mỗi quốc gia đó. Vấn đề có tính nguyên tắc là thuế phải luôn luôn phù hợp với mục tiêu, đường lối phát triển kinh tế xã hội mỗi quốc gia trong từng thời kỳ nhất định, phục vụ mục đích phát triển kinh tế trong từng giai đoạn của Nhà nước.

## 1.2.2. Phân tích vai trò tác động của thuế đến CDCCKT theo phương pháp định tính:

1.2.2.1 *Thuế là công cụ chủ yếu trong việc huy động nguồn thu cho NSNN, tạo nguồn lực tài chính cần thiết cho thực hiện CDCCKT theo hướng CNH, HĐH:*

Thuế huy động nguồn thu chủ yếu cho Ngân sách của Nhà nước, Nhà nước sử dụng Ngân sách để chi tiêu cho các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, đầu tư phát triển các lĩnh vực, ngành nghề, vùng kinh tế mà Nhà nước khuyến

khích theo chủ trương của Nhà nước trong từng thời kỳ, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Như vậy thuế tác động gián tiếp đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế thông qua chính sách chi Ngân sách của Nhà nước.

*1.2.2.2 Thuế là công cụ điều tiết vĩ mô, khuyến khích phát triển các ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế, thành phần kinh tế, qua đó thúc đẩy CDCKT theo hướng CNH, HĐH:*

*\* Phương thức tác động của thuế (với vai trò là công cụ điều tiết vĩ mô) đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế:*

*Thuế gián thu* cấu thành trong giá cả hàng hoá, dịch vụ nên khi đưa một loại hàng hoá, dịch vụ vào diện chịu thuế hoặc khi tăng hoặc giảm thuế gián thu đánh vào hàng hoá, dịch vụ đều tác động một cách rất nhạy cảm đến giá cả của hàng hoá, dịch vụ và từ đó tác động đến cầu về hàng hoá, dịch vụ này. Khi cầu thay đổi thì cung cũng thay đổi để đáp ứng cầu - tức là có sự thay đổi trong việc phát triển hay thu hẹp các ngành nghề sản xuất hàng hoá, cung cấp dịch vụ, thay đổi cơ cấu đầu tư, cơ cấu ngành nghề... căn cứ theo nhu cầu của thị trường, từ đó dẫn đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

*Thuế trực thu* là loại thuế đánh trực tiếp vào thu nhập của người nộp thuế. Những thay đổi trong chính sách thuế trực thu, cụ thể hơn là thuế thu nhập (thay đổi về đối tượng chịu thuế, thuế suất, ưu đãi, miễn giảm... theo lĩnh vực đầu tư, theo địa bàn đầu tư, theo qui mô lao động, theo phương thức tái đầu tư...) sẽ tác động đến lợi nhuận sau thuế của nhà đầu tư và do đó tác động đến quyết định của nhà đầu tư đối với việc lựa chọn các ngành, lĩnh vực, địa bàn (vùng lãnh thổ)... để đầu tư. Sự chuyển dịch đầu tư từ ngành này sang ngành khác, lĩnh vực này sang lĩnh vực khác, vùng này sang vùng khác... đồng thời sẽ kéo theo sự dịch chuyển về lao động và tất cả các dịch chuyển nêu trên sẽ làm thay đổi cơ cấu ngành kinh tế, lĩnh vực kinh tế, vùng kinh tế, cơ cấu lao động..., đó chính là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

*\* Nội dung tác động của chính sách thuế đến CDCKT:*

Thông qua các mức thuế suất thấp, các quy định về miễn, giảm thuế, các ưu đãi về thuế, chính sách thuế khuyến khích hoặc hạn chế việc đầu tư, phát triển các ngành, các vùng, các lĩnh vực theo chủ trương phát triển kinh tế và CDCKT của Nhà nước trong từng thời kỳ, khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu, sản xuất hàng thay thế hàng nhập khẩu, thực hiện bảo hộ hợp lý, có chọn lọc, có thời hạn đối với các ngành kinh tế, ngành công nghiệp, nông nghiệp trọng điểm tạo nền tảng cho phát triển CNH, HĐH đất nước, tăng cường sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Chính sách thuế khuyến khích thúc đẩy nhanh công nghiệp hoá nông nghiệp nông thôn, chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, nhất là chuyển dịch lao động từ ngành nông nghiệp sang ngành công nghiệp và dịch vụ.

Ưu đãi thuế cho các doanh nghiệp trong giai đoạn đầu cổ phần hoá là biện pháp hỗ trợ quan trọng để đẩy nhanh quá trình cổ phần hoá, sắp xếp và đổi mới

các doanh nghiệp nhà nước, góp phần chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế trong xã hội.

Chính sách thuế khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường liên kết theo chiều dọc, tăng tích tụ và tập trung vốn từ các doanh nghiệp thành viên, từ đó tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

Chính sách thuế phát huy vai trò, tác dụng thúc đẩy quá trình chuyển dịch từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, gồm nhiều thành phần kinh tế, nhiều ngành, nghề, với các quy mô, trình độ công nghệ khác nhau. Chính sách thuế góp phần xây dựng, phát triển nền công nghiệp nặng với bước đi thích hợp, trước hết là ưu đãi thuế để phát triển các ngành trực tiếp phục vụ phát triển nông nghiệp; thực hiện chuyên môn hóa và liên kết kinh tế giữa các địa phương; xây dựng các trung tâm kinh tế của từng vùng để tạo điều kiện liên kết công nghiệp với nông nghiệp, thành thị với nông thôn...

### **1.2.3 Phân tích vai trò tác động của thuế đến CDCCKT theo phương pháp định lượng:**

Luận án đã sử dụng mô hình kinh tế lượng để phân tích mức độ tác động của chính sách thuế đến CDCCKT.

*Mô hình lý thuyết phân tích dự báo tác động của chính sách thuế tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế:*

1.  $GDP = TDCC + TLUY + EX - IM + SAISO$
2.  $TDCC = CG + CP$
3.  $CP = GDP - THUNS + SAISO1$
4.  $TLUY = f(GDP)$
5.  $IM = f(TDCC + I + EX)$
6.  $I = f(GDP)$
7.  $GDP = GDPNN + GDPCN + GDPDV$
8.  $GDPNN = f(GDP)$
9.  $GDPCN = f(GDP)$
10.  $GDPDV = f(GDP)$
11.  $THUNS = TLT + VAT + THUKH + VT$
12.  $TLT = LTNN + LTCN + LTDV$
13.  $LTNN = f(TSLT * GDPNN)$
14.  $LTCN = f(TSLT * GDPCN)$
15.  $LTDV = f(TSLT * GDPDV)$
16.  $VAT = VATNN + VATCN + VATDV$
17.  $VATNN = f(GDPNN * (T5 * 0.3 + T10 * 0.05))$
18.  $VATCN = f(GDPCN * (T5 * 0.3 + T10 * 0.7))$
19.  $VATDV = f(GDPDV * (T5 * 0.1 + T10 * 0.85 + T20 * 0.05))$
20.  $THUKH = f(GDP)$
21.  $GDPCD = GDP / PGDP$

Một số kết luận rút ra từ các phương án thay đổi thuế suất trong mô hình: thuế có tác động đến tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo chiều hướng:

- Mức độ thay đổi trong từng loại thuế (thay đổi thuế suất) càng lớn và càng thay đổi nhiều loại thuế thì sự tác động, ảnh hưởng đến GDP và cơ cấu kinh tế càng lớn;

- Khi thay đổi thuế suất thuế VAT (gián thu), mức độ tác động đến nền kinh tế lớn hơn khi thay đổi thuế suất thuế TNDN (trực thu);

- Mức độ thay đổi về thuế suất thuế gián thu (VAT) càng nhiều thì mức độ tác động, ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế càng lớn.

*Tóm lại*, qua các phân tích định tính và định lượng cho thấy: thuế có vai trò rất quan trọng đối với CDCCKT theo hướng CNH, HDH, trong đó thuế vừa là công cụ tạo nguồn lực tài chính cho việc thực hiện CDCCKT, vừa là công cụ tạo nên các cơ chế để thúc đẩy nhanh chóng việc CDCCKT theo hướng CNH, HDH.

## **Chương 2**

### **ĐÁNH GIÁ VIỆC SỬ DỤNG CÁC CHÍNH SÁCH THUẾ ĐỂ THỨC ĐẨY QUÁ TRÌNH CDCCKT Ở NƯỚC TA TỪ NĂM 1990 ĐẾN NAY VÀ KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI**

#### **2.1. CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI VÀ QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA VỀ VẤN ĐỀ CDCCKT TỪ NĂM 1990 ĐẾN NAY**

Cơ cấu kinh tế và CDCCKT ở Việt Nam được thực hiện trong mối quan hệ chặt chẽ với quá trình CNH, HDH theo chủ trương, đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam. Chính vì vậy, luận án đã khái quát hoá các chủ trương, đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam về CDCCKT qua các giai đoạn 1991-1995 và 1996-2006, trong đó đi sâu phân tích theo từng loại cơ cấu kinh tế.

#### **2.2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CDCCKT Ở NƯỚC TA TRONG NHỮNG NĂM QUA**

Luận án đã phân tích, đánh giá kết quả chuyển dịch trong từng loại cơ cấu kinh tế ở nước ta trong những năm qua:

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần kinh tế
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo vùng lãnh thổ
- Chuyển dịch cơ cấu lao động
- Chuyển dịch cơ cấu khoa học - công nghệ

#### **2.3. ĐÁNH GIÁ VIỆC SỬ DỤNG CÁC CHÍNH SÁCH THUẾ ĐỂ THỨC ĐẨY QUÁ TRÌNH CDCCKT VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI Ở NƯỚC TA TỪ NĂM 1990 ĐẾN NAY**

Luận án đã phân tích và minh chứng cho thấy cơ cấu kinh tế của nước ta trong những năm qua đã chuyển dịch theo hướng tích cực và phù hợp với chủ

trương của Đảng và Nhà nước. Đạt được những kết quả nêu trên do nhiều yếu tố, trong đó thuế đã đóng vai trò rất tích cực.

### **2.3.1 Chính sách thuế giai đoạn 1990-1998 (sau cải cách thuế bước một)**

Nét đặc trưng của chính sách thuế giai đoạn này là đã tác động mạnh mẽ đến quá trình CDCKT theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hóa thông qua việc ưu đãi hoặc miễn giảm thuế cho các ngành cần khuyến khích phát triển như sản xuất hàng xuất khẩu, công nghiệp sản xuất sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu, cơ khí phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản, các ngành dịch vụ (du lịch, bảo hiểm, hàng không...), đánh thuế cao đối với hàng hoá nhập khẩu trong nước đã sản xuất được để bảo hộ sản xuất trong nước; thực hiện ưu đãi thuế để thu hút và khuyến khích đầu tư nước ngoài. Nhờ vậy, CKKT đã chuyển dịch theo hướng tích cực là giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ trong GDP.

### **2.3.2. Chính sách thuế giai đoạn từ 1999 đến nay (sau cải cách thuế bước hai)**

Kể từ ngày 01/01/1999, thực hiện chương trình cải cách thuế bước 2, Quốc hội đã ban hành Luật thuế giá trị gia tăng để thay thế cho Luật thuế doanh thu, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp để thay thế cho Luật thuế lợi tức, đồng thời sửa đổi, bổ sung các Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu nhằm đảm bảo sự đồng bộ của chính sách thuế, làm cho hệ thống thuế trở thành công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế, thực hiện khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư phát triển sản xuất, mở rộng lưu thông, tránh tụt hậu về kinh tế.

Đặc điểm chung của chính sách thuế giai đoạn này là thuế đã thể hiện thái độ khuyến khích mọi thành phần kinh tế tích cực bỏ vốn đầu tư mới, đầu tư chiều sâu, đầu tư mở rộng, đầu tư đổi mới công nghệ. Thuế thực hiện bảo hộ hợp lý có hiệu quả đối với sản xuất trong nước, phù hợp với các cam kết trong quá trình hội nhập, khuyến khích mạnh mẽ sản xuất hàng xuất khẩu nhằm chuyển dịch nền kinh tế theo hướng phát triển xuất khẩu và sản xuất trong nước thay thế nhập khẩu. Những ưu đãi về thuế cũng có nhiều thay đổi để kêu gọi các nhà đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Ngoài ra, chính sách thuế còn có tác dụng thiết thực trong việc thúc đẩy các doanh nghiệp tăng cường hạch toán kinh doanh, thực hiện tốt chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ, đổi mới phong cách quản lý, sắp xếp lại sản xuất; chính sách thuế còn hỗ trợ, thúc đẩy các doanh nghiệp Nhà nước mạnh dạn và khẩn trương thực hiện cổ phần hoá, đổi mới phương thức kinh doanh, nộp được thuế và kinh doanh có lãi, phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Nhà nước đã dùng các chính sách ưu đãi thuế để khuyến khích đầu tư và phát triển sản xuất ở các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế chậm phát triển để thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng, miền của đất nước, bước đầu bảo đảm cơ cấu kinh tế hợp lý giữa các vùng lãnh thổ trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

### **2.3.3. Tác động của việc sử dụng chính sách thuế đối với CDCCKT theo hướng CNH, HĐH ở nước ta từ 1990 đến nay.**

*2.3.3.1 Nguồn thu từ thuế chiếm tỷ trọng cao trong tổng thu NSNN góp phần đảm bảo nguồn tài chính phục vụ CDCCKT theo hướng CNH, HĐH.*

Tổng thu thuế và phí luôn hoàn thành vượt mức dự toán thu hàng năm được Quốc hội thông qua và có tốc độ tăng trưởng cao qua các năm: năm 2000 tăng 13,7 lần so với năm 1990; số thu về thuế và phí trong tổng thu ngân sách nhà nước năm 1990 chỉ chiếm 76,78% đến năm 2000 đã chiếm 95,72% và hơn chục năm qua số thu từ thuế, phí, lệ phí luôn đảm bảo trung bình trên 90% tổng số thu của NSNN. Tỷ lệ động viên qua thuế và phí/GDP thường xuyên đạt và vượt mục tiêu đề ra: năm 1991 đạt 13,1%/GDP và đến năm 2000 đạt 20,5%/GDP, năm 2003 đạt 22,5%. Như vậy, với nguồn thu có quy mô lớn, huy động theo phương thức bắt buộc, không hoàn trả trực tiếp, số thu từ thuế trong thời gian qua đã đáp ứng được yêu cầu chi thường xuyên và tăng dần cho đầu tư vào các ngành, lĩnh vực, các ngành kinh tế để thực hiện CDCCKT theo định hướng CNH, HĐH và theo các chủ trương của Đảng và Nhà nước.

*2.3.3.2 Thuế đã thực sự trở thành công cụ quản lý kinh tế vĩ mô của Nhà nước góp phần tích cực trong thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, khuyến khích đầu tư, khuyến khích xuất khẩu, bảo hộ có điều kiện sản xuất trong nước, đổi mới khoa học công nghệ, từ đó thúc đẩy CDCCKT theo hướng CNH, HĐH.*

Hệ thống thuế với 9 sắc thuế chủ yếu, được áp dụng thống nhất trong cả nước, tạo môi trường kinh doanh tương đối bình đẳng. Ở từng sắc thuế đều có những phạm vi điều chỉnh khác nhau về đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế... đã tác động đến mọi mặt của nền kinh tế - xã hội, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, tăng trưởng kinh tế.

*Thuế giá trị gia tăng* thu vào hầu hết các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, với phương pháp khấu trừ thuế, nộp thuế ở khâu sau được khấu trừ số thuế đã trả ở khâu trước; hàng hoá xuất khẩu được hoàn thuế, do đó đã khuyến khích việc chuyên môn hoá, hợp tác hoá sản xuất, tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả của sản phẩm, ngành hàng, khuyến khích xuất khẩu và bảo hộ hàng hoá sản xuất trong nước.

*Thuế tiêu thụ đặc biệt* thu vào sản phẩm hàng hoá, dịch vụ cần hạn chế tiêu dùng, hoặc không có lợi cho quốc kế dân sinh như: bài lá, vàng mã, thuốc lá, rượu, bia..., từ đó có tác động hướng dẫn tiêu dùng, hướng dẫn sản xuất và sắp xếp lại sản xuất kinh doanh theo định hướng của Nhà nước.

*Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu* với nguyên tắc ưu tiên khuyến khích nhập khẩu máy móc thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất (hầu hết thuế nhập khẩu 0%) hơn là đối với hàng tiêu dùng; ưu tiên khuyến khích xuất khẩu hàng hoá xuất khẩu đã qua chế biến (thuế suất 0%) hơn là đối với hàng hoá ở dạng nguyên liệu thô đã góp phần thúc đẩy sản xuất trong nước nhằm thu hút lao động, giải quyết việc làm, thu nhập cho xã hội.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp* có quy định ưu đãi, miễn giảm thuế cho các dự án đầu tư cơ sở sản xuất mới, di chuyển địa điểm kinh doanh theo quy hoạch, thu hút lao động, đầu tư vào các vùng kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn đã tạo động lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.

*Thuế tài nguyên*: qua việc động viên một phần thu nhập đối với các tổ chức, cá nhân có khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên, thuế tài nguyên đã góp phần hướng dẫn sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên, hướng các doanh nghiệp sử dụng công nghệ sạch, hạn chế ô nhiễm môi trường và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên của đất nước.

Thông qua việc ưu đãi miễn, giảm thuế với mức độ khác nhau, chính sách thuế đã khuyến khích đầu tư vào các ngành, lĩnh vực nhà nước khuyến khích đầu tư trong từng thời kỳ, khuyến khích đầu tư vào các vùng lãnh thổ, vùng kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế mở, khu thương mại tự do, đầu tư vào các sản phẩm công nghiệp trọng điểm, sản phẩm có công nghệ cao và kỹ thuật cao,...từ đó tăng tỷ trọng sản phẩm công nghiệp, dịch vụ trong tổng sản phẩm xã hội, phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ; thu hút lao động, giải quyết việc làm nhằm xoá đói, giảm nghèo. Việc CDCCKT theo hướng nâng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ trong nền sản xuất xã hội đến lượt nó lại góp phần tăng nhanh số thu ngân sách, từ đó, có điều kiện giành nguồn ngân quỹ để Nhà nước đầu tư trở lại cho CDCCKT.

## **2.4. NHỮNG TỒN TẠI VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG CHÍNH SÁCH THUẾ ĐỐI VỚI VIỆC THỨC ĐẨY QUÁ TRÌNH CDCCKT THEO HƯỚNG CNH, HĐH**

Trong giai đoạn hiện nay, hệ thống chính sách thuế hiện hành đã và đang bộc lộ những tồn tại, có phần làm ảnh hưởng đến quá trình CDCCKT theo hướng CNH, HĐH. Cụ thể:

### **2.4.1. Chính sách thuế chưa bao quát hết đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế và các nguồn thu đang và sẽ phát sinh trong quá trình phát triển của kinh tế thị trường và hội nhập**

Việc chưa bao quát hết đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế, các nguồn thu đang và sẽ phát sinh trong quá trình phát triển của kinh tế thị trường trong điều kiện hội nhập của chính sách thuế thời gian qua đã dẫn đến hạn chế nguồn thu đáp ứng cho yêu cầu CDCCKT theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá cả về phương diện trực tiếp lẫn gián tiếp: một mặt ảnh hưởng đến việc đảm bảo nguồn thu ổn định, vững chắc của ngân sách nhà nước cho việc thực hiện CDCCKT, mặt khác, hạn chế vai trò điều tiết vĩ mô của thuế đối với các lĩnh vực mà thuế còn bỏ ngỏ.

Mặt khác, cơ cấu nguồn thu từ thuế chưa hợp lý, thuế trực thu còn chiếm tỷ lệ thấp so với thuế gián thu, nguồn thu ngân sách nhà nước từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước chỉ chiếm khoảng hơn 50%, còn lại lệ thuộc nhiều vào nguồn thu từ thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (thu từ thuế xuất khẩu, thuế

nhập khẩu có thời kỳ chiếm tới gần 1/4 tổng số thu ngân sách nhà nước) và thu từ bán dầu thô (trong khi giá dầu thô trên thị trường thế giới thường xuyên biến động), do đó nguồn thu từ thuế chưa thực sự ổn định để đảm bảo thể chủ động cho Nhà nước qua các thời kỳ.

#### **2.4.2. Trong hệ thống chính sách thuế, một số quy định còn chưa hợp lý dẫn đến hạn chế đầu tư của các chủ thể kinh tế**

Nhiều quy định trong các văn bản hướng dẫn về thuế tuy rằng có chi tiết nhưng lại thiếu tính bao quát, tính dài hạn, thiếu định nghĩa rõ ràng dẫn đến dễ bị lạm dụng trong quá trình thực thi. Các tiêu chí làm căn cứ phân định giữa các mức thuế suất cũng như nguyên tắc thuế suất áp dụng chưa thật rõ ràng, minh bạch nên trong quá trình thực thi phát sinh nhiều vướng mắc. Việc quy định nhiều phương pháp tính thuế, nhiều loại thuế suất hoặc cùng một đối tượng chịu thuế nhưng sử dụng vào mục đích khác nhau thì thuế suất khác nhau, áp dụng nhiều loại hoá đơn... đã làm cho nội dung chính sách thuế trở nên phức tạp, khó áp dụng cho cả đối tượng nộp thuế lẫn cán bộ thuế trong thi hành.

Các quy định này mang tính 2 mặt, vừa có tác động thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo định hướng của Nhà nước, mặt khác, lại tạo ra sự phức tạp trong quản lý mà sự không minh bạch trong các quy định chính là nguyên nhân dẫn đến sự bất công bằng xã hội giữa các đối tượng áp dụng, làm hạn chế đầu tư của các chủ thể kinh tế trong quá trình CDCCKT theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đồng thời còn làm ảnh hưởng đến nguồn thu của Ngân sách Nhà nước, làm giảm nguồn lực đầu tư cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

#### **2.4.3. Chính sách thuế hiện hành bảo hộ sản xuất trong nước chưa hoàn toàn hợp lý, bảo hộ chưa thực sự chọn lọc, nhiều mặt hàng được bảo hộ quá mức dẫn đến hạn chế tác dụng của bảo hộ, chưa thúc đẩy doanh nghiệp sắp xếp lại sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ quản lý và sức cạnh tranh của sản phẩm, ngành hàng. Minh chứng điển hình là ngành sản xuất, lắp ráp ô tô.**

#### **2.4.4. Chính sách thuế chưa thực sự đảm bảo bình đẳng, công bằng xã hội về nghĩa vụ thuế, còn có sự phân biệt về thuế suất, điều kiện ưu đãi miễn, giảm thuế, về diện đối tượng chịu thuế,... giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, giữa người Việt Nam và người nước ngoài nên chưa thực sự khai thác tốt nguồn lực từ mọi thành phần kinh tế tham gia trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH.**

#### **2.4.5. Chính sách thuế còn lồng ghép nhiều chính sách xã hội, làm cho nội dung chính sách phức tạp, làm giảm hiệu lực khuyến khích của thuế trong thúc đẩy, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH**

Nhiều quy định miễn, giảm thuế hoặc quy định không chịu thuế nhằm phục vụ các mục tiêu của chính sách xã hội chưa hoàn toàn minh bạch dẫn đến



kết quả thực thi chính sách không đảm bảo công bằng giữa các đối tượng nộp thuế, dễ phát sinh tiêu cực, làm hạn chế tính trung lập của thuế.

Các quy định này không chỉ làm tăng chi phí quản lý, gây nguy cơ thất thu thuế mà còn làm hạn chế vai trò của thuế trong hướng dẫn và khuyến khích đầu tư để thúc đẩy CDCCKT theo hướng CNH, HĐH, tạo kẽ hở cho các nhà đầu tư tìm những biện pháp để trốn, tránh thuế hơn là tìm những ngành, lĩnh vực địa bàn mà Nhà nước đưa ra các ưu đãi thuế để thu hút đầu tư. Như vậy, đôi khi việc lồng ghép chính sách xã hội trong chính sách thuế đã vô hình chung làm giảm hoặc mất đi hiệu lực của các biện pháp ưu đãi, miễn thuế trong việc khuyến khích thu hút vốn đầu tư vào các ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế mà Nhà nước mong muốn nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

## **2.5 Kinh nghiệm sử dụng công cụ thuế để thúc đẩy CDCCKT theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá của một số nước trên thế giới và bài học rút ra cho Việt Nam**

Luận án đã chọn một số nước châu Á có điều kiện khá tương đồng với Việt Nam là Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan, Indônêxia để tổng kết kinh nghiệm của các nước này trong lĩnh vực sử dụng công cụ thuế để thúc đẩy CDCCKT theo hướng CNH, HĐH và rút ra các bài học áp dụng cho Việt Nam:

*Thứ nhất, cần phải chú trọng việc hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đúng đắn*, trong đó CDCCKT phải có những bước đi phù hợp với điều kiện về kinh tế - xã hội của đất nước mình và tương thích với xu hướng phát triển kinh tế chung của các nước trong khu vực và thế giới.

*Thứ hai, cần đánh giá đúng vai trò của chính sách thuế đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế*: Thuế không chỉ giữ vai trò huy động nguồn thu cho NSNN để đảm bảo nguồn tài chính cần thiết cho thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH, mà thông qua các chính sách thuế suất có phân biệt cùng với chế độ ưu đãi (miễn, giảm) thích hợp, thuế thực sự góp phần thu hút, hướng dẫn đầu tư vào các ngành, các vùng cần khuyến khích đầu tư, khuyến khích phát triển, từ đó điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo định hướng đã đề ra;

*Thứ ba, chính sách thuế chỉ có thể phát huy hiệu quả nếu được sử dụng đồng bộ với các chính sách vĩ mô khác của Nhà nước* như các chính sách về chi đầu tư từ NSNN và các biện pháp hỗ trợ tài chính khác của Nhà nước (chính sách cho vay tín dụng ưu đãi, thuế, chính sách tỷ giá, chính sách về đầu tư...).

*Thứ tư, định hướng ưu đãi thuế của Nhà nước cần thay đổi cho phù hợp với yêu cầu của từng thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước*.

*Thứ năm, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cần được Nhà nước dành cho những ưu đãi thuế đặc biệt* để thu hút nguồn vốn này vào những ngành, lĩnh vực khuyến khích đầu tư. Nhất là trong những năm gần đây, khi nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam đang có chiều hướng giảm đi, việc tăng cường rà soát, hoàn chỉnh lại các chính sách thuế là những vấn đề cần sớm giải quyết nhằm tạo môi trường đầu tư hấp dẫn, bền vững để có thể khai thác tốt hơn nguồn vốn này.

*Thứ sáu, để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH đối với các vùng, khu vực, phát huy lợi thế của từng vùng, khu vực, cần xây*

*dựng các cơ chế ưu đãi thuế đặc biệt để khuyến khích đầu tư vào các vùng kinh tế trọng điểm, khu vực thương mại tự do, khu kinh tế mở, khu phát triển công nghệ cao, khu chế xuất, khu công nghiệp nhằm phát huy vai trò đầu tàu tăng trưởng nhanh của các vùng và khu vực này, từ đó kéo theo sự tăng trưởng của toàn bộ nền kinh tế. Đồng thời, nên thực hiện chính sách thuế đặc biệt ưu đãi để khuyến khích đầu tư vào những vùng đặc biệt khó khăn, các vùng hoặc ngành chậm phát triển để nhanh chóng thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các ngành của đất nước.*

Đó là những bài học kinh nghiệm quý báu đối với Việt Nam trong xây dựng và thực hiện chính sách thuế nhằm thúc đẩy CDCCKT trong giai đoạn tới.

### **Chương 3**

## **NHỮNG KIẾN NGHỊ VỀ VIỆC ĐỔI MỚI VÀ HOÀN THIỆN CÁC CHÍNH SÁCH THUẾ NHẪM GÓP PHẦN THỨC ĐẨY CDCCKT Ở NƯỚC TA THEO HƯỚNG CNH, HĐH**

### **3.1. ĐỊNH HƯỚNG CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA ĐỐI VỚI CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO HƯỚNG CNH, HĐH TRONG GIAI ĐOẠN TỚI**

Luận án đã khái quát những định hướng quan trọng trong Nghị quyết của Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X về CDCCKT trong đó nổi bật lên những nội dung sau:

- Cần kết hợp tốt các cơ hội thuận lợi do hoàn cảnh quốc tế tạo ra với các tiềm năng lợi thế của nước ta để rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng XHCN với phát triển kinh tế tri thức và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả, coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng trong mỗi bước phát triển của đất nước ở từng vùng, từng địa phương cũng như trong từng dự án kinh tế xã hội.

- Xây dựng cơ cấu hợp lý các ngành kinh tế trên cơ sở phát huy triệt để các nguồn nội lực và ngoại lực.

- Thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và kinh tế nông thôn

- Phát triển nhanh hơn công nghiệp và xây dựng theo hướng nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh và hiện đại hoá.

- Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội theo hướng hiện đại; tạo bước phát triển vượt bậc của khu vực dịch vụ.

Đại hội Đảng lần thứ X cũng xác định mục tiêu phấn đấu về cơ cấu ngành trong GDP đến năm 2010: khu vực nông nghiệp khoảng 15-16%, công nghiệp và xây dựng 43-44%, dịch vụ 40-41%.

### **3.2. YÊU CẦU, MỤC TIÊU XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH THUẾ NHẪM THỨC ĐẨY QUÁ TRÌNH CDCCKT THEO HƯỚNG CNH, HĐH Ở NƯỚC TA**

#### **3.2.1. Những yêu cầu cơ bản trong xây dựng chính sách thuế đến 2010:**

Trên cơ sở xác định rõ mục tiêu cụ thể của chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH ở nước ta, để đẩy nhanh quá trình CDCCKT thì việc xây dựng chính sách thuế đến 2010 cần quán triệt các yêu cầu cơ bản sau:

*Yêu cầu 1:* Thuế phải thực sự trở thành công cụ đòn bẩy khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh, khuyến khích đầu tư, khuyến khích xuất khẩu nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH.

*Yêu cầu 2:* Thuế phải tạo được nguồn thu vững chắc, lâu bền cho ngân sách nhà nước, từ đó tạo nguồn lực tài chính vững chắc cho việc thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH.

*Yêu cầu 3:* Thuế phải công bằng, công khai, minh bạch nhằm tạo động lực khuyến khích mọi chủ thể tích cực bỏ vốn đầu tư, góp phần thực hiện được mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

*Yêu cầu 4:* Hoàn thiện chính sách thuế phải phù hợp với xu hướng hội nhập, phục vụ đắc lực cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá hiện đại hoá nhanh, hiệu quả, bền vững.

Tóm lại, cần có yêu cầu, quan điểm rõ ràng, đầy đủ về mối quan hệ hữu cơ, nhân quả mang tính quy luật giữa thuế và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá để xây dựng chính sách thuế theo hướng vừa phù hợp với thực tế và khả năng đóng góp của nhân dân, vừa tạo được "cú hích" thúc đẩy sự phát triển kinh tế, khuyến khích sự năng động sáng tạo của các chủ thể kinh tế trong đầu tư, đảm bảo cạnh tranh lành mạnh trong cơ chế thị trường định hướng XHCN với sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước và hội nhập khu vực và quốc tế.

### **3.2.2. Mục tiêu xây dựng chính sách thuế đến 2010 nhằm góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta theo hướng CNH, HĐH**

Xây dựng hệ thống chính sách thuế đồng bộ, có cơ cấu hợp lý, đi đôi với hiện đại hoá công tác quản lý nhằm đảm bảo chính sách động viên hợp lý thu nhập quốc dân của Đảng và Nhà nước, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; góp phần đảm bảo công bằng xã hội, phù hợp với nền kinh tế thị trường và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

## **3.3. NHỮNG KIẾN NGHỊ VỀ VIỆC ĐỔI MỚI VÀ HOÀN THIỆN CÁC CHÍNH SÁCH THUẾ TỪ NAY ĐẾN 2010 NHẪM GÓP PHẦN THÚC ĐẨY MẠNH MẼ QUÁ TRÌNH CDCCKT THEO HƯỚNG CNH, HĐH Ở NƯỚC TA**

### **3.3.1. Kiến nghị đổi mới và hoàn thiện các chính sách thuế**

Để khắc phục những tồn tại của hệ thống thuế hiện hành và đáp ứng được các yêu cầu, nhiệm vụ của đất nước trong giai đoạn tới, đặc biệt là các yêu cầu về CDCCKT, luận án đã kiến nghị phương hướng đổi mới, hoàn thiện từng sắc thuế của cả hệ thống thuế và trong từng sắc thuế đi sâu vào nội dung cần sửa đổi, bổ sung đối với từng yếu tố cấu thành nên sắc thuế đó, bao gồm: đối tượng

chịu thuế, thuế suất, phương pháp tính thuế, miễn giảm thuế, hoàn thuế..., cụ thể như sau:

### **3.3.1.1. Đối mới và hoàn thiện thuế GTGT:**

- Về đối tượng chịu thuế: sắp xếp lại đối tượng chịu thuế và không chịu thuế theo hướng mở rộng tối đa diện chịu thuế.

- Về thuế suất:

Trong giai đoạn này, thuế GTGT tiếp tục được sử dụng để phục vụ cho mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH ở hai góc độ: vừa là công cụ tạo nguồn thu để tăng nguồn vốn đầu tư vào các ngành, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH; vừa là công cụ điều tiết vĩ mô và khuyến khích các chủ thể đầu tư vào các ngành, trên cơ sở đó kiến nghị:

+ Từ nay đến hết năm 2008 vẫn tiếp tục duy trì 2 mức thuế suất 5% và 10%, không kể mức thuế suất 0% áp dụng cho xuất khẩu. Việc áp dụng thuế suất thuế GTGT vẫn theo nguyên tắc: thuế suất 0% chỉ áp dụng đối với xuất khẩu; mức thuế suất thấp 5% được áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ tiêu dùng thiết yếu, mang tính chất phục vụ cộng đồng và hầu hết các hàng hoá, dịch vụ là đầu vào của sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; thuế suất 10% được áp dụng cho các hàng hoá, dịch vụ còn lại. Đồng thời, đưa ra các tiêu chí rõ ràng, minh bạch trong việc áp dụng các thuế suất 5% và 10%.

+ Không thu thuế GTGT và áp dụng mức thuế suất thấp 5% đối với một số loại hàng hoá và dịch vụ phục vụ nông nghiệp, công nghiệp

+ Áp dụng thuế suất 0% đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu - sản phẩm và dịch vụ phần mềm - để đẩy mạnh xuất khẩu và phát triển công nghiệp sản xuất phần mềm tin học thành ngành kinh tế có tốc độ tăng trưởng vượt trội;

+ Áp dụng thuế suất thấp 5% đối với các mặt hàng cơ khí phục vụ sản xuất, hoá chất cơ bản. Ngược lại, đối với những sản phẩm trong nước đã sản xuất được thì khi nhập khẩu chịu thuế với thuế suất 10%.

Dự kiến từ năm 2009, nghiên cứu để áp dụng một mức thuế suất (có thể từ 5 đến 7%), không kể mức thuế suất 0% áp dụng cho xuất khẩu. Mức thuế suất cụ thể được xác định dựa trên khả năng huy động và mức tăng trưởng kinh tế bình quân dự kiến của giai đoạn này. Việc áp dụng một mức thuế suất, một mặt, đảm bảo đơn giản hoá chính sách, tạo thuận lợi cho việc tính thuế, nộp thuế, mặt khác, nâng cao hiệu quả của thuế GTGT, giảm thiểu chi phí quản lý hành chính thuế, giảm chi phí cho người nộp thuế, đồng thời đảm bảo tính trung lập của thuế GTGT.

- Về phương pháp tính thuế, tiếp tục duy trì việc sử dụng hai phương pháp tính thuế như hiện hành. Kể từ 2009, xây dựng ngưỡng doanh thu chịu thuế, theo đó, các đối tượng có mức doanh thu hàng năm vượt trên ngưỡng sẽ bắt buộc phải thực hiện đăng ký, nộp thuế GTGT, các đối tượng có mức doanh thu dưới ngưỡng không bắt buộc phải thực hiện đăng ký, nộp thuế GTGT (các đối tượng này chỉ phải nộp thuế theo phương thức khoán trên doanh thu và không được quyền khấu trừ thuế GTGT đầu vào); từ đó, xóa bỏ phương pháp tính thuế trực tiếp.

- *Về hoàn thuế*: Xây dựng ngưỡng tối thiểu về số thuế đầu vào được hoàn thuế GTGT để làm tiêu chí hoàn thuế theo quý hay theo năm. Riêng đối với xuất khẩu, xây dựng quy trình hoàn thuế đặc biệt, theo đó đơn giản hoá về thủ tục đồng thời với quy định rõ điều kiện cơ sở kinh doanh xuất khẩu được áp dụng quy chế hoàn thuế đặc biệt này.

### **3.3.1.2. Đổi mới và hoàn thiện thuế TTĐB**

Thuế TTĐB tiếp tục vừa là công cụ huy động nguồn thu đảm bảo nguồn vốn cho thực hiện CDCCKT theo hướng CNH, HĐH; vừa thực hiện chức năng hướng dẫn sản xuất, hướng dẫn tiêu dùng, phục vụ yêu cầu hội nhập. Để thực hiện mục tiêu này, thuế TTĐB cần được đổi mới theo hướng:

- *Về diện chịu thuế*: tiếp tục điều chỉnh đối với một số hàng hoá, dịch vụ như hiện hành. Trong tương lai diện áp dụng thuế TTĐB sẽ được nghiên cứu để mở rộng hơn đối với một số hàng hoá dịch vụ cao cấp khác.

- *Về thuế suất và giá tính thuế*: Nghiên cứu điều chỉnh tăng thuế suất đối với sản phẩm xăng các loại nhằm hạn chế gian lận thương mại, chống thất thu ngân sách, đồng thời nâng cao tác dụng bảo vệ môi trường của sắc thuế này. Đồng thời, kiến nghị sửa đổi các quy định về thuế suất và giá tính thuế không phù hợp với các nguyên tắc của hội nhập nhằm thực hiện các cam kết quốc tế.

- *Về miễn, giảm thuế*: Trước mắt, tiếp tục duy trì quy định miễn, giảm thuế TTĐB đối với một số trường hợp như: cơ sở sản xuất gặp khó khăn do thiên tai, dịch họa, tai nạn bất ngờ, bị lỗ. Về lâu dài sẽ xóa bỏ các quy định về miễn, giảm thuế TTĐB để đảm bảo bình đẳng, công bằng xã hội và phù hợp với các cam kết quốc tế trong quá trình hội nhập.

### **3.3.1.3. Đổi mới và hoàn thiện thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các công cụ tự vệ khác**

Mục tiêu của thuế xuất nhập khẩu trong những năm tới là kiểm soát hoạt động ngoại thương, bảo vệ nền kinh tế nước nhà trong bối cảnh thương mại quốc tế, chống lại các biện pháp trợ giá, bán phá giá hàng nhập khẩu vào Việt Nam hoặc phân biệt đối xử với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, khuyến khích tối đa xuất khẩu, thực hiện các cam kết quốc tế, từng bước đáp ứng yêu cầu hội nhập, thực hiện bảo hộ có chọn lọc, có thời hạn đối với sản xuất trong nước, đồng thời tạo nguồn thu hợp lý cho ngân sách nhà nước nhằm phục vụ, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo mô hình CNH hướng mạnh vào xuất khẩu và mô hình công nghiệp hoá thay thế hàng nhập khẩu. Để thực hiện mục tiêu nêu trên, kiến nghị thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu cần được hoàn thiện theo hướng:

- *Về đối tượng chịu thuế*: thu hẹp diện chịu thuế và tiến tới bỏ thuế xuất khẩu

- *Về thuế suất thuế nhập khẩu*: tiếp tục áp dụng phân biệt theo khu vực thương mại, theo đó, thuế suất thuế nhập khẩu được chia làm 3 loại: thuế suất ưu đãi; thuế suất ưu đãi đặc biệt; thuế suất thông thường áp dụng đối với hàng xuất xứ từ những nước hoặc khu vực có/không có quan hệ đối xử tối huệ quốc hoặc có/không có thoả thuận ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu với Việt Nam.

Nhằm khuyến khích sản xuất trong nước, hạn chế nhập siêu nói chung, cần đánh thuế cao đối với hàng hoá nhập khẩu là hàng trong nước đã sản xuất được hoặc không phải là hàng tiêu dùng thiết yếu của nhân dân.

- *Về phương pháp tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu* vẫn sử dụng phương pháp truyền thống, theo đó, số thuế phải nộp được xác định căn cứ vào giá tính thuế, số lượng hàng hoá thực tế xuất hoặc nhập khẩu và thuế suất của mặt hàng xuất hoặc nhập khẩu. Tuy nhiên, về cách xác định giá tính thuế đối với hàng hoá nhập khẩu tuân thủ theo các nguyên tắc của hội nhập, nghĩa là giá được xây dựng theo các nguyên tắc của Hiệp định trị giá GATT.

Cần đưa các công cụ tự vệ khác vào Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu để kết hợp hỗ trợ cho thuế nhập khẩu nhằm hạn chế những tác động tiêu cực từ bên ngoài đối với sản xuất trong nước, như thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế chống phân biệt đối xử.

#### **3.3.1.4. Đổi mới và hoàn thiện thuế TNDN**

Trong những năm tới, thuế TNDN tiếp tục là một trong những sắc thuế trực thu chủ yếu giữ vị trí quan trọng trong hệ thống thuế. Đổi mới thuế TNDN là nhằm phát huy vai trò của sắc thuế này trên hai góc độ, vừa là công cụ quan trọng đảm bảo nguồn vốn đầu tư cho thực hiện CDCCKT theo hướng CNH, HĐH; vừa là công cụ quản lý vĩ mô có hiệu lực tạo cơ chế khuyến khích đầu tư, định hướng cho các chủ thể kinh tế đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn mà Nhà nước cần khuyến khích đầu tư, đẩy nhanh tốc độ CDCCKT theo hướng CNH, HĐH. Theo đó, kiến nghị hoàn thiện thuế TNDN như sau:

- *Về đối tượng nộp thuế:* Tiếp tục duy trì diện đối tượng nộp thuế TNDN như hiện hành. Trong tương lai khi Luật thuế thu nhập cá nhân được ban hành thì cần có sự sắp xếp lại về đối tượng nộp thuế TNDN, theo đó, thuế TNDN chỉ điều chỉnh đối với các pháp nhân kinh doanh, còn các thể nhân kinh doanh có thu nhập sẽ thuộc diện điều chỉnh của thuế thu nhập cá nhân.

- *Về thu nhập chịu thuế:* Bao quát hết các nguồn thu nhập đang và sẽ có khả năng phát sinh trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập nhằm tăng số thu cho NSNN, tạo nguồn tài chính vững chắc để phục vụ cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đồng thời phát huy vai trò quản lý điều tiết vĩ mô của thuế TNDN.

- *Về thuế suất:* Tiếp tục duy trì mức thuế suất phổ thông 28% và 3 mức thuế suất ưu đãi áp dụng có thời hạn cho các cơ sở sản xuất kinh doanh, không phân biệt thành phần kinh tế, đầu tư trong nước hay đầu tư nước ngoài để thể hiện thái độ khuyến khích hay hạn chế của Nhà nước đối với sự phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực kinh tế, từng vùng kinh tế, khu vực kinh tế và địa bàn. Kể từ 2009, nghiên cứu để giảm mức thuế suất phổ thông (có thể từ 28% xuống 25%) nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp có điều kiện tích tụ, tập trung vốn phát triển sản xuất, từ đó tăng khả năng đóng góp nguồn thu cho NSNN, thúc đẩy CDCCKT, đồng thời tăng tính cạnh tranh trong việc thu hút đầu tư.

- *Về chính sách ưu đãi miễn, giảm:* Thực hiện theo nguyên tắc ưu đãi có chọn lọc, có trọng tâm, trọng điểm, có thời hạn, không tràn lan, nhằm phát huy tối đa tác dụng của chính sách ưu đãi thuế. Luận án đã kiến nghị một cách chi tiết các ưu đãi miễn giảm áp dụng cho các lĩnh vực, ngành nghề, các vùng, khu

vực, thành phần kinh tế... theo định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Đảng và Nhà nước.

### **3.3.1.5. *Đổi mới và hoàn thiện thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao***

Trong những năm tới, kiến nghị thay thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao bằng thuế thu nhập cá nhân (TNCN) để vừa góp phần thực hiện mục tiêu công bằng xã hội, vừa tăng thu cho NSNN. Cụ thể hướng xây dựng thuế TNCN như sau:

- Tiếp tục duy trì thuế đối với người có thu nhập cao nhưng có mở rộng đối tượng chịu thuế và thu nhập chịu thuế; sửa đổi nguyên tắc phân loại thu nhập; sửa đổi biểu thuế đối với thu nhập thường xuyên áp dụng đối với người Việt Nam để đảm bảo đồng bộ với Luật thuế TNDN và giảm bớt khoảng cách chênh lệch điều tiết thu nhập giữa người Việt Nam với người nước ngoài.

Về lâu dài, kiến nghị cần xây dựng Luật thuế TNCN theo hướng chọn mô hình đánh thuế hỗn hợp, theo đó, hầu hết các khoản thu nhập có tính chất thường xuyên của cá nhân trong năm sẽ được áp dụng một biểu thuế suất lũy tiến từng phần chung; một số khoản thu nhập khác như thu nhập từ đầu tư, thu nhập từ chuyển nhượng tài sản,...thuộc diện áp dụng thuế tỷ lệ nhằm đảm bảo thuế đồng viên sát với khả năng đóng góp của người nộp.

- *Về đối tượng nộp thuế:* bao gồm mọi cá nhân có thu nhập đến mức chịu thuế, kể cả các cá nhân kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật thuế TNDN chuyển sang.

- *Về thu nhập chịu thuế:* Bao gồm toàn bộ thu nhập từ mọi nguồn phát sinh trong năm tính thuế của cá nhân, không phân biệt tự làm ra hay được biếu tặng, thừa kế.

- *Về thuế suất:* Biểu thuế lũy tiến từng phần áp dụng đối với thu nhập tổng hợp, gồm khoảng 6-8 bậc với thuế suất biên tối đa không quá 35%. Đối với các khoản thu nhập khác áp dụng thuế suất tỷ lệ, thông thường không quá 25%; riêng những thu nhập đặc biệt cao hoặc quá cao, có thể áp dụng thuế thu nhập bổ sung.

### **3.3.1.6. *Đổi mới, hoàn thiện các sắc thuế bổ trợ khác***

*\* Đổi mới, hoàn thiện về thuế tài nguyên:*

Cần tiếp tục hoàn thiện chính sách thuế tài nguyên để đảm bảo vừa khai thác sử dụng tài nguyên tiết kiệm, có hiệu quả, vừa tăng cường bảo vệ môi trường, đồng thời khai thác thêm được nguồn thu hợp lý cho NSNN, từ đó tăng thêm nguồn lực để đầu tư thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH. Do vậy kiến nghị hướng hoàn thiện sắc thuế này:

- *Về đối tượng chịu thuế:* Mở rộng diện chịu thuế tài nguyên theo nguyên tắc tất cả các loại tài nguyên thiên nhiên trong phạm vi đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Việt Nam khi khai thác đều phải chịu thuế

- *Về đối tượng nộp thuế:* Mọi tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên đều là đối tượng phải nộp thuế tài nguyên. Thuế tài nguyên

được tính trên sản lượng thực tế khai thác, giá tính thuế và mức thuế suất; các căn cứ tính thuế được phân biệt theo loại tài nguyên thiên nhiên.

*\* Nghiên cứu, xây dựng thuế bảo vệ môi trường:*

Đây là loại thuế thu vào các đối tượng gây ô nhiễm môi trường nhằm góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, chống chuyển dịch công nghệ “bẩn” vào Việt Nam và tạo lập nguồn lực để bảo vệ môi trường. Thuế bảo vệ môi trường cần được xây dựng theo hướng:

- *Đối tượng chịu thuế* là các hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường.

- *Đối tượng nộp thuế* là các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hay tiêu dùng các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường.

- *Thuế suất:* thuế đánh căn cứ vào mức độ gây ô nhiễm (ô nhiễm môi trường càng nhiều thì chịu thuế suất càng cao), có thể tính trực tiếp theo số tuyệt đối dựa vào mức độ gây ô nhiễm, nhưng cũng có thể nghiên cứu tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên doanh thu (giá bán) hoặc chi phí.

*\* Nghiên cứu, xây dựng thuế tài sản:*

Thuế tài sản là loại thuế điều tiết một phần thu nhập của những cá nhân có quyền sở hữu, quyền sử dụng các tài sản là quyền sử dụng đất, nhà, ô tô, tàu thuyền... Hiện nay hệ thống thuế của Việt Nam chưa có sắc thuế này, trong tương lai sẽ nghiên cứu để điều chỉnh một số loại thuế như thuế nhà đất, thuế sử dụng đất nông nghiệp, lệ phí trước bạ và bổ sung khoản thu về thừa kế, quà tặng để đưa vào diện điều chỉnh của thuế tài sản nhằm tăng thu cho Ngân sách Nhà nước để có thêm nguồn lực phục vụ, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH.

(i) *Thuế đăng ký tài sản/thuế trước bạ:* thuế đánh 1 lần vào thời điểm làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng khi mua mới hoặc chuyển nhượng một số tài sản thuộc diện Nhà nước quản lý.

Đối tượng nộp thuế là các tổ chức, cá nhân khi mua sắm, xây dựng mới, khi đăng ký xác nhận quyền sở hữu các tài sản chuyển nhượng thuộc danh mục Nhà nước cần quản lý. Căn cứ tính thuế là giá trị thực tế của tài sản ghi tại các chứng từ pháp lý và thuế suất hoặc mức thuế.

(ii) *Thuế sử dụng đất:* Thuế đánh hàng năm vào việc sử dụng đất theo các mục đích khác nhau đối với những người có quyền sử dụng đất.

Đối tượng nộp thuế là mọi tổ chức, cá nhân sử dụng đất vào các mục đích khác nhau (sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối, ở, xây dựng công trình, kinh doanh, mục đích khác). Căn cứ tính thuế là diện tích đất sử dụng, giá đất tính thuế và thuế suất.

Trong thuế sử dụng đất cần qui định mức thuế suất hợp lý hoặc ưu đãi để khuyến khích chuyển mục đích sử dụng đất từ nông nghiệp sang công nghiệp, kinh doanh dịch vụ để góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chuyển dịch sản xuất nông nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ.

(iii) *Thuế chuyển quyền sử dụng đất:*

Cần bãi bỏ loại thuế này vì đây là khoản thuế đánh vào thu nhập phát sinh từ việc chuyển quyền sử dụng đất. Thay vào đó, thu nhập từ chuyển quyền sử



dụng đất của tổ chức, cá nhân sẽ được điều tiết thông qua Luật thuế TNDN và Luật thuế TNCN.

### **3.3.2. Kiến nghị đổi mới và hoàn thiện công tác quản lý thuế:**

Hướng đổi mới công tác quản lý thuế là hiện đại hóa toàn diện công tác quản lý thuế cả về phương pháp quản lý và thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy, đội ngũ công chức thuế, áp dụng rộng rãi công nghệ tin học để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, kiểm soát cho được tất cả các đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế, hạn chế thất thu thuế ở mức thấp nhất, bảo đảm thu đúng, thu đủ và kịp thời các khoản thu vào NSNN, giảm thiểu tình trạng trốn thuế, lậu thuế, nợ đọng thuế, từ đó có thể tăng thêm nguồn thu cho NSNN để có nguồn lực đầu tư thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo chương trình của Nhà nước. Nâng cao trình độ quản lý thuế của Việt Nam ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực.

### **3.4. NHỮNG ĐIỀU KIỆN ĐỂ THỰC HIỆN VIỆC ĐỔI MỚI VÀ HOÀN THIỆN CÁC CHÍNH SÁCH THUẾ ĐẠT KẾT QUẢ TỐT NHẪM GÓP PHẦN THÚC ĐẨY CDCCKT THEO HƯỚNG CNH, HĐH**

Thuế chỉ có tác động tích cực đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH trong các điều kiện sau:

- Chính sách thuế phải được sử dụng kết hợp, đồng bộ, đúng hướng với các công cụ điều tiết vĩ mô khác của Nhà nước như chính sách chi Ngân sách, chính sách tiền tệ - tín dụng, chính sách tỷ giá, chính sách tích lũy và tiêu dùng... trong quá trình hướng tới mục tiêu thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH –HĐH.

- Đầu tư xây dựng cơ bản để thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải theo đúng qui hoạch, kế hoạch được duyệt, phải tập trung, đồng bộ, dứt điểm và chống phân tán, dàn trải, hạn chế thất thoát đến mức thấp nhất, có như vậy mới sử dụng một cách hiệu quả, không lãng phí nguồn lực mà thuế mang lại.

- Hệ thống thể chế quản lý kinh tế xã hội phải được cải cách đồng bộ tạo cơ sở cho việc quản lý thuế chặt chẽ, nghiêm minh.

- Cơ quan hành chính Nhà nước các cấp, các cơ quan tư pháp, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể quần chúng cần phối hợp chặt chẽ với ngành thuế trong quá trình ngành thuế thực thi nhiệm vụ.

- Các cơ quan thông tin đại chúng, hệ thống giáo dục quốc gia phải có trách nhiệm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về thuế để nâng cao ý thức chung của toàn xã hội trong việc chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật thuế.

### **KẾT LUẬN**

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH là qui luật tất yếu đối với mọi nền kinh tế và là trọng tâm trong chiến lược và chính sách phát triển của mỗi quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Mỗi mô hình công nghiệp hóa có những phương thức chuyển dịch cơ cấu kinh tế khác nhau, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi nước, vào hoàn cảnh trong nước và quốc tế trong từng giai đoạn phát triển nhất định cũng như mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, tất cả các mô hình công nghiệp hóa đều khẳng định vai trò và ý nghĩa quan trọng của các cơ chế, chính sách kinh tế tài chính - đặc biệt là các chính sách thuế - đối với việc thúc đẩy CDCCKT, thậm chí các cơ chế, chính sách này giữ vai trò quyết định thành công hay thất bại trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Đối với nước ta, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá có vị trí rất quan trọng trong chiến lược đổi mới kinh tế của đất nước. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra hàng loạt các chính sách, biện pháp kinh tế vĩ mô, trong đó có hệ thống chính sách và biện pháp về thuế, nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong lĩnh vực này. Nhờ vậy, cơ cấu kinh tế của nước ta đã có những tiến bộ rất đáng kể, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, xoá đói giảm nghèo và đảm bảo công bằng xã hội. Tuy nhiên, các chính sách, biện pháp này chưa hoàn toàn đồng bộ, chưa có sự gắn bó hữu cơ nên tác dụng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn hạn chế.

Với mong muốn góp phần đưa ra những luận cứ nhằm xây dựng và hoàn thiện các giải pháp kinh tế - tài chính, đặc biệt là các giải pháp về thuế, nhằm thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH ở Việt Nam, luận án đã khái quát hoá các vấn đề lý luận và thực tiễn về cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chỉ ra mô hình và các yêu cầu CDCCKT thích hợp ở Việt Nam, đồng thời tổng kết các vấn đề cơ bản về thuế và đi sâu phân tích vai trò của thuế tác động đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên cả phương diện định tính và định lượng. Luận án cũng đã nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước trong vấn đề này, từ đó rút ra các bài học áp dụng cho Việt Nam. Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn như vậy, luận án đánh giá những mặt được và chưa được đối với việc sử dụng thuế để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta trong giai đoạn vừa qua, từ đó, đề xuất hướng đổi mới và hoàn thiện các chính sách thuế từ nay đến năm 2010 nhằm thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta theo hướng CNH, HĐH.

Tuy nhiên, chính sách thuế chỉ là một bộ phận trong các chính sách vĩ mô của Nhà nước, vì vậy, để nền kinh tế có thể chuyển dịch cơ cấu theo đúng hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá cần phải có sự kết hợp đồng bộ giữa chính sách thuế với các chính sách kinh tế - tài chính và các chính sách xã hội khác.

Trên cơ sở kết hợp đó, luận án hy vọng sẽ đóng góp một phần vào việc thực hiện thắng lợi các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước./.